

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 5 - 2018
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN – TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Bùi Quốc Huy

Bà Phạm Thị Chuông

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 11/5/2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2018 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13A/2018/QĐST-DS ngày 24/4/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Thanh H, sinh năm 1977

Địa chỉ : Thôn N, xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1984.

Địa chỉ : Thôn Đ, xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 12 năm 2017 và quá trình xét xử, nguyên đơn anh Trần Thanh H trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị D kết hôn với nhau vào ngày 03 tháng 6 năm 2004, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương, trước lúc kết hôn có được tự nguyện tìm hiểu. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống vui vẻ hạnh phúc cho đến đầu năm 2017, chị D chi tiêu vay mượn kinh tế như thế nào, anh không được biết, số tiền vay mượn lên đến hàng tỷ. Anh có hỏi thì chị D không giải thích được. Dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm cãi cọ lẫn nhau. Bất minh về kinh tế, dân xã hội đến nhà anh đòi nợ, gia đình vợ chồng căng thẳng. Chị D tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ

ông Nguyễn Văn D ở thôn Đ, xã H ở sau đó anh có đến tìm nhưng không gặp được chị D, gia đình bố mẹ để chị D không cho anh biết địa chỉ đang làm ăn của chị D. Thỉnh thoảng anh có thấy các cháu nghe điện thoại của chị D gọi về, khi anh gọi lại thì không liên lạc được. Tình cảm vợ chồng không còn, kinh tế bất minh nên nay anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị D.

Về con chung: Vợ chồng anh có hai cháu Trần Phi H, sinh ngày 09/09/2005 và cháu Trần Thị Tuyết L, sinh ngày 18/8/2007. Hiện hai cháu đang ở với anh H, nên anh H đề nghị được nuôi cả hai cháu và tự nguyện không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Các cháu H, L đều có nguyện vọng ở cùng anh H.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung: Hiện chị D vắng mặt, nên anh H đã tự nguyện rút yêu cầu chia tài sản. Đề anh và chị D cùng có trách nhiệm trao đổi với nhau. Nếu anh và chị D không tự giải quyết được thì anh sẽ đề nghị Tòa án giải quyết sau bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, chị D không có mặt theo giấy triệu tập. Tòa án tiến hành làm việc tại địa phương thì ông Nguyễn Văn D (bố chị D) xác định cụ thể như sau: Chị D kết hôn cùng anh Trần Thanh H vào ngày 03 tháng 6 năm 2004, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương. Sau ngày cưới vợ chồng chị D chung sống hòa thuận, cho đến thời gian gần đây, anh H và chị D đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo ông được biết là do anh H, chị D xây dựng nhà cửa, chị D một mình vay mượn, anh H không có trách nhiệm lo lắng cùng chị D dẫn đến vợ chồng chồng thường xuyên xảy ra việc cãi vã lẫn nhau. Tháng 7/2017 chị D buộc phải đi làm Công ty, nhưng do chị chồng quản lý thẻ. Kinh tế cũng như tình cảm vợ chồng không có, nên cuối năm 2017 chị D phải bỏ đi làm ăn, song chị D vẫn liên lạc trao đổi với gia đình ông. Vợ chồng ông cũng chỉ biết hiện chị D đang lao động tự do tại Hải phòng, còn địa chỉ cụ thể như thế nào thì gia đình ông không biết. Nay anh H xin ly hôn, mọi giấy tờ Tòa án tổng đạt cho chị D, gia đình ông đều đã thông báo cho chị D biết, song do tình cảm vợ chồng không còn nên chị D nhất trí ly hôn và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị D theo quy định của pháp luật.

-Về con chung: Anh H, chị D có hai cháu Trần Phi H, sinh ngày 09/09/2005 và cháu Trần Thị Tuyết L, sinh ngày 18/8/2007. Hiện hai cháu đang ở với anh H. Chị D chưa có công việc ổn định, nên anh H đề nghị được nuôi cả hai cháu và tự nguyện không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con chung, các cháu đều có nguyện vọng ở cùng anh H, thì chị D cũng nhất trí.

Về tài sản chung và công nợ chung: Hiện chị D vắng mặt, chị D chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau này chị D có mặt thì chị D sẽ đề nghị sau.

Tại Biên bản xác minh Ủy ban nhân dân xã H cung cấp: Anh H và chị D kết hôn ngày 03 tháng 6 năm 2004, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương. Sau ngày cưới, anh H và chị D ở tại xã H. Cho đến thời gian gần đây do mâu thuẫn về kinh tế, nên cuối năm 2017 chị D đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Đ, xã H ở. Hiện hộ khẩu của chị D vẫn do địa phương quản lý. Nay anh H xin ly hôn, chị D không có mặt, gia đình ông D xác định về

quan điểm trình bày của chị D thì địa phương đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện VKSND huyện Kinh Môn phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đối với Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết, đề nghị: áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Thanh H được ly hôn chị Nguyễn Thị D. Về con chung: Giao hai cháu Trần Phi H, sinh ngày 09/09/2005 và cháu Trần Thị Tuyết L, sinh ngày 18/8/2007 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị D cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về chia tài sản: Đôi bên không yêu cầu, nên không đặt ra việc giải quyết trong vụ án; Về án phí: Anh H phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của anh Trần Thanh H đối với chị Nguyễn Thị D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương. Quá trình Tòa án giải quyết chị D không có mặt, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do vậy, TAND huyện Kinh Môn áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị D là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Anh Trần Thanh H kết hôn với chị Nguyễn Thị D trên tinh thần tự nguyện, được đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân gây mâu thuẫn dẫn tới việc anh H đề nghị xin ly hôn chị D, chủ yếu là do cuộc sống hôn nhân giữa anh H và chị D không có sự tin tưởng, trách nhiệm cùng nhau. Vợ chồng không xây dựng được cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, kinh tế không giải tỏa được dẫn đến tình cảm giữa đôi bên ngày một rạn nứt. Tại phiên tòa anh H giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn, chị D cũng nhất trí ly hôn và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét mục đích của hôn nhân không thực hiện được, tình cảm giữa đôi bên không còn, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H. Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để xử cho anh Trần Thanh H được ly hôn chị Nguyễn Thị D là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh H, chị D có hai cháu Trần Phi H, sinh ngày 09/09/2005 và cháu Trần Thị Tuyết L, sinh ngày 18/8/2007. Hiện hai cháu đang ở với anh H, xét nguyện vọng của các bên cũng như phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay, nên cần giao hai cháu cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Hiện chị D vắng mặt, anh H không yêu cầu, nên cần chấp nhận.

[5] Về chia tài sản: Anh H tự nguyện rút yêu cầu và được Tòa án ra Quyết định đình chỉ yêu cầu giải quyết về tài sản số 21/2018/QĐST-HNGĐ ngày

28/3/2018. Hiện chị D vắng mặt, không có ý kiến gì. Nên không đặt ra việc giải quyết trong vụ án. Nếu sau này đôi bên đương sự có đơn yêu cầu giải quyết về việc chia tài sản thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án thì anh H phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trần Thanh H và chị Nguyễn Thị D.
2. Về con chung: Giao hai cháu Trần Phi H, sinh ngày 09/09/2005 và cháu Trần Thị Tuyết L, sinh ngày 18/8/2007 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng.
3. Về yêu cầu cấp dưỡng: Chấp nhận sự tự nguyện của anh H tự nguyện không yêu cầu chị D cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

4. Về chia tài sản: Không đặt ra việc giải quyết.

Nếu sau này đôi bên đương sự có đơn yêu cầu giải quyết về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con hoặc chia tài sản thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí: Anh Trần Thanh H phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0001429 ngày 08/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn. Anh H đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Thanh H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kinh Môn;
- Chi cục THADS huyện Kinh Môn;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ ,VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền

